

TẠ QUỐC KHÁNH*
NGUYỄN VĂN QUÝ**

PHONG TỤC, TÍN NGƯỠNG TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI TÀY Ở VÙNG ATK VIỆT BẮC HIỆN NAY

Tóm tắt: Khu vực Việt Bắc trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) được coi là An toàn khu (ATK), là nơi bảo vệ các cơ quan đầu não chỉ đạo cuộc kháng chiến của toàn dân tộc. Ngày nay, các ATK này đều đã được nhà nước xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt. Đây cũng là địa bàn cư trú của nhiều tộc người, trong đó chiếm số lượng đông đảo hơn cả là người Tày. Người Tày ở khu vực ATK Việt Bắc có lịch sử cư trú lâu đời, có đời sống văn hóa, tín ngưỡng phong phú. Bài viết trình bày một số phong tục, tín ngưỡng liên quan đến lao động sản xuất và nghi thức vòng đời người của người Tày trong các bản/làng thuộc vùng ATK Việt Bắc hiện nay, từ đó, góp phần nhận diện giá trị di sản văn hóa phi vật thể của người Tày ở khu vực ATK Việt Bắc.

Từ khóa: Vùng ATK Việt Bắc; người Tày; phong tục; tín ngưỡng.

Đặt vấn đề

An toàn khu (ATK) Việt Bắc là một vùng bao gồm nhiều tỉnh thuộc khu vực miền núi phía bắc nước ta, ở đó có ba ATK vốn xưa kia được coi là “Thủ đô kháng chiến”, gồm ATK Tân Trào (thuộc huyện Yên Sơn và Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), ATK Định Hóa (thuộc huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên) và ATK Chợ Đồn (thuộc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Cạn). Đây là địa bàn hoạt động chủ yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam, các cơ quan của chính phủ Việt Minh thời kỳ trước và sau năm 1945, nhằm lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc. Ngày nay, cả ba ATK Tân Trào, Chợ

* Viện Bảo tồn di tích, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

** Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 06/7/2021; Ngày biên tập: 17/8/2021; Duyệt đăng: 21/10/2021.

Đồn và Định Hóa đều đã được Chính phủ xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt. Địa bàn ATK cũng là khu vực có nhiều tộc người cùng sinh sống như Tày, Nùng, H'mông, Dao, Sán Chay... Trong đó, người Tày chiếm số lượng nhiều hơn cả. Nhiều căn nhà của người Tày xưa kia đã từng là nơi làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các vị lãnh đạo cơ quan Trung ương để chỉ đạo cuộc kháng chiến của dân tộc và ngày nay được xếp hạng di tích lịch sử cách mạng.

Người Tày tại các khu ATK Việt Bắc có lịch sử cư trú lâu đời, có đời sống văn hóa tinh thần phong phú; nhiều phong tục, tập quán tốt đẹp vẫn được gìn giữ và trao truyền đến ngày nay... Trong đời sống hằng ngày, những phong tục, tập quán, tín ngưỡng liên quan đến lao động sản xuất, đến nghi thức vòng đời người của người Tày ở khu vực ATK cũng rất đặc biệt, có giá trị và được bà con trao truyền cho nhau từ thế hệ này sang thế hệ khác qua lời kể, câu thoại, thể hiện những triết lý riêng về thế giới quan, nhân sinh quan.

1. Phong tục, tín ngưỡng trong xây dựng và và lao động sản xuất của người Tày ở khu vực ATK Việt Bắc

1.1. Phong tục, tín ngưỡng trong dựng bản, dựng nhà

Người Tày sống định cư, quản tụ theo từng bản. Tên bản thường được gọi theo tên đồng ruộng hay khúc sông, ví dụ bản Nà Đin (ruộng đất), Nà Tiêm (ruộng nhọn), Nà To (ruộng to), bản Hông (thung lũng, vòng thúng), Thảm Rộc (ao rậm) v.v. Lối đi vào các bản, xóm thường nhỏ hẹp, men theo sườn đồi, chân ruộng... Theo khảo sát của chúng tôi, bản làng của người Tày ở vùng ATK Việt Bắc nói chung đều là “một khu vực riêng (đin bản), được giới hạn bằng khúc suối, mỏm đồi, đỉnh dốc, gốc cây to. Song cũng có khi ranh giới giữa các bản khá mơ hồ nhưng lại được dân bản thừa nhận, tôn trọng. Địa vực mỗi bản ngoài ruộng nước còn có nguồn nước, nương rẫy, rừng tự nhiên. Cố nhiên, hầu hết ranh giới giữa các bản đã được xác lập từ lâu, được công khai và truyền lại cho thế hệ sau. Người Tày luôn có ý thức bảo vệ địa phận ranh giới của bản mình”¹.

Trong địa vực mỗi bản, ngoài những nếp nhà sàn, thường có một khu vực chung, linh thiêng, đó là các ngôi đình, miếu thờ cúng thần linh, thổ công. Hiện nay ở khu vực ATK Việt Bắc còn khá nhiều ngôi

đình làng của người Tày, như đình làng Quặng, đình Sơn Vinh (huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên), đình Tân Trào, đình Hồng Thái, đình Thanh La (huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang)... Người Tày ở đây còn có tục thờ thần thổ công, mang ý nghĩa là thờ người khai làng, lập bản hoặc thờ người có công với dân bản, được dân bản coi là tổ tiên. Ngoài ra, ở nhiều địa phương, người Tày còn có quan niệm tổ tiên gia đình sau ba đời trở lên có thể hóa thành thần thổ công trông coi, bảo vệ ranh giới làng bản. “Vì vậy, có thể nói thổ công cũng chính là thần tổ tiên xa của các gia đình và cũng có nghĩa là những người đã từng có thời gian ở lâu trong bản. Trong quan niệm của người Tày, thổ công được hình dung như một vị trưởng lão đáng kính của bản, các công việc lớn bé trong nhà, ngoài bản đều phải hỏi ý kiến của ông”².

Mỗi bản của người Tày trung bình có từ 20 đến 25 nhà, bản lớn có 60 đến 70 nhà, cũng có những bản trên 100 nhà. Ngôi nhà ở truyền thống của người Tày ở khu vực ATK Việt Bắc là nhà sàn làm bằng gỗ, mái lợp lá cọ, phù hợp với địa hình và khí hậu vùng Việt Bắc, vừa thoáng mát lại hạn chế được côn trùng, rắn rết... Theo ông Hoàng Văn Việt (xóm Tam Hợp, xã Lam Vĩ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên) cho biết: “Ở đây, xưa kia có hai loại nhà gọi là nhà to nhà nhỏ (lươn bép, lươn cái). Đây là loại nhà có bép và nhà chính. Hai nhà này nối nhau bằng cầu thang. Một loại nữa là có bép ở trong nhà, mọi sinh hoạt nấu nướng đều trong nhà này”.

Để dựng một ngôi nhà, người Tày cũng phải chuẩn bị kỹ càng từ nguyên vật liệu, nhân công và như mọi tộc người khác, họ cũng có những kiêng kỵ, lễ nghi riêng trong việc chọn đất, chọn gỗ, chọn giờ dựng nhà, chọn người hợp tuổi đứng tên với một niềm tin nếu hợp mệnh sẽ được thần linh, tổ tiên phù hộ cho may mắn, làm ăn phát đạt, ngôi nhà bền chắc...

Đối với người Tày ở ATK Việt Bắc, khi dựng nhà, các yếu tố địa hình được chú trọng hơn chọn hướng làm nhà. Ở những bản trong thung lũng, ven suối, các ngôi nhà thường quay ra cánh đồng, con suối. Thậm chí, có nhà chọn hướng theo “màu xanh” của cây cối, đó là trường hợp ông Hoàng Văn Đa cho biết: “Khi dựng nhà này ông không xem thầy, tự tay ông làm ngôi nhà này. Trước đây, xung quanh

nhà ông là đôi cọ, nên thấy hướng nào xanh hơn cả là ông quay hướng đó”³. Chúng ta thường thấy, nhà sàn của người Tày ở vùng này thường tựa lưng vào núi, đồi và hướng ra cánh đồng hay suối. Nói một cách khác, “cảnh quan cư trú tương đối đa dạng và phức tạp đã quy định đến hướng nhà của người Tày theo nhiều cách khác nhau. Người Tày ở bản Chạp, bản Nà Ho (xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang) thường chọn nhà bên cạnh con suối lớn; còn người Tày ở thôn Yên Thượng (xã Trung Yên, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang) mỗi ngôi nhà là một khuôn viên riêng với hàng rào bao bọc xung quanh. Tường rào được làm bằng nhiều chất liệu khác nhau...”⁴

Vật liệu chính để dựng ngôi nhà của người Tày ở khu vực ATK Việt Bắc là gỗ (làm bộ khung), tre, mai (lát sàn), lá cọ (lợp mái), dây mây, lạt giang (để buộc các cấu kiện) và đá tảng (kê cột). Những vật liệu này đều có sẵn quanh môi trường sống của họ, nhưng xưa kia người chủ nhà phải tự vào rừng đẵn gỗ, chặt tre, cắt lá chuẩn bị cho việc dựng nhà. Việc chuẩn bị vật liệu có khi kéo dài vài ba năm. Khi chọn gỗ làm nhà, người Tày kiêng chọn cây sâu gốc hay cụt ngọn vì họ cho rằng đây là những cây bệnh tật, nếu lấy về làm nhà thì người trong gia đình sẽ ốm yếu theo. Một cây gỗ có đầu gốc, đầu ngọn và khi dựng cột, người Tày cũng kiêng, không được quay ngọn cây xuống đất, kiêng có bóng người nấp nơi đặt cột vì như thế dễ phạm vào thân thể người có bóng nấp đó.

Khi đã chuẩn bị đầy đủ điều kiện vật chất để dựng nhà, gia chủ thường mang đôi gà đến nhà thầy cúng nhờ xem ngày giờ và tuổi người đàn ông (trường hợp người đàn ông chết thì xem tuổi vợ. Hoặc nếu không được tuổi chồng thì xem tuổi vợ theo quan niệm “chồng chính, vợ phụ”). Người Tày thường tránh phạm vào các tuổi 1, 3, 6, 8.

Khi đã chọn ngày giờ dựng nhà (thường là vào gần sáng - giờ Dần) thì làm lễ cúng thổ địa rồi dựng cột nhà hướng đông đầu tiên, với quan niệm “đón ánh sáng tốt lành”⁵... Trong trường hợp nếu dựng cột nhà xong mà đến giờ xấu thì xem lại ngày dựng nóc, hoặc nếu ngày dựng nhà mà có tiếng vạc kêu, hươu hay nai kêu là không tốt. Còn nếu dựng nhà mà có mưa thì họ cho rằng là có lộc. Nhưng nếu mưa kèm theo sấm sét thì lập tức phải lấy 4 cái rọ úp lên 4 cột cái chính hoặc dùng lá

cọ che đầu cột để tránh việc bị “thiên lôi” sau này đánh vào nhà và mong được điều tốt lành.

Bộ khung nhà được chế tác, khớp mộng sẵn sàng ở dưới đất để đến giờ đẹp thì đồng loạt kéo lên rồi đặt cây đòn nóc (thượng lương) và giờ đó cũng phải nhờ thầy xem cẩn thận. Thông thường người ta chọn khoảng từ 3 đến 5 giờ sáng, trước khi mặt trời mọc. Để chuẩn bị cho giờ kéo khung gỗ, đặt nóc thì tối hôm trước gia chủ phải chuẩn bị bữa ăn, mời trai tráng trong bản tới ăn, rồi bắt đầu kéo, nâng toàn bộ khung sườn nhà đã dựng lên. Sau khi đặt cây đòn nóc xong, chủ nhà sẽ mang lửa, gạo, muối và một vài vật dụng sinh hoạt vào nhà trước. Khi đó, trên mái nhà, công việc lợp mái cũng đang diễn ra... Khi dựng nhà, kiêng nhất là sấm sét, nên chủ nhà thường chuẩn bị một lọ muối, một lọ mỡ để tránh. Nếu nhà vừa lợp mái xong mà sấm sét thì lập tức lấy lửa vào nhà. Sau khi làm nhà xong thì làm lễ vào nhà mới bao gồm một lễ cúng tổ tiên, một lễ cúng thổ địa⁶.

Một nét văn hóa tốt đẹp trong cộng đồng người Tày ở khu vực ATK Việt Bắc nói riêng, ở nhiều vùng nói chung là việc thành lập các hội tương tế trong thôn, bản. Hoạt động của hội tương tế là giúp đỡ nhau trong nhiều công việc của cuộc sống, từ đám ma chay, cưới xin và đặc biệt khi làm nhà. Khi một hộ trong bản dựng nhà, các hội viên của hội tương tế phải có trách nhiệm đóng góp cho họ một phần lá cọ lợp nhà, góp ngày công dựng nhà, và phải mang gạo của nhà đi ăn trong những ngày đi giúp công đó chứ không ăn từ gạo của gia chủ. Tùy từng hội có những quy định cụ thể khác nhau về số lá cọ, gạo và ngày công. Theo kết quả điều tra một số hội tương tế cho thấy, ví dụ: Ở thôn làng Bẫy (xã Tân Dương, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên), mỗi hội viên góp 50 lá cọ, 1 cân gạo và 3 ngày công; ở bản Nà Lang (xã Phượng Tiến, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên), mỗi hội viên góp 100 lá cọ, 3 ngày công, 6 bò gạo; ở bản Nà To (xã Định Biên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên), mỗi hội viên góp 50 lá cọ, 3 ngày công, 3 bò gạo; ở bản Hông (xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên), mỗi hội viên góp 100 lá cọ, 3 ngày công, 3 bò gạo; ở bản Vèn (xã Linh Thông, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên), mỗi hội viên góp 100 lá cọ, 3 ngày công, 3 bò gạo....

Người Tày chủ yếu theo tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, trong ngôi nhà của họ bàn thờ luôn được đặt ở nơi trang trọng nhất. Trên bàn thờ chỉ bày đặt đồ thờ cúng, không được để lẫn các thứ đồ vật khác. Chính giữa bàn thờ người ta đặt bát hương thờ tổ tiên, một số gia đình có thể đặt bát hương thờ Bà Mụ. Người Tày quan niệm “vạn vật hữu linh”, mọi thứ đều có linh hồn, người chết đi về thế giới bên kia và vẫn theo dõi mọi hoạt động của người trần. Trong gia đình có bất cứ công việc gì xảy ra thì gia chủ đều phải khẩn báo với gia tiên. Khách và phụ nữ có thai, mới sinh không được phép ngồi hay nằm trên ghế, giường trước bàn thờ.

Trong ngôi nhà chính của người Tày có những khu chức năng khác nhau và cũng có những quy định riêng. Người bố không được bước vào buồng ngủ của con dâu, con gái. Phụ nữ thì kiêng không đi lại trước bàn thờ, không được ngồi cạnh tiếp khách vì như vậy xem như không tôn trọng chồng, xen vào công việc của chồng. Khu vực từ cột quân ra cột hiên gọi là *đăng*, thường có *đăng* dưới (ở mặt sau nhà) là nơi để đồ, dụng cụ làm bếp, nơi chứa nông sản. *Đăng* trên (mặt trước nhà) là nơi tiếp khách, thường được làm cao hơn lòng nhà. Phụ nữ không được ngồi lên *đăng* trên, chỉ được ở *đăng* dưới. Đặc biệt, người ta kiêng ngồi ở vị trí đầu *đăng*, chỗ sát với lòng nhà, vì đó thường là nơi kê đầu khi ngủ. Phụ nữ cũng không được ngồi ở cạnh trên của bếp, vì đây là nơi dành cho nam giới, không được trèo lên gác bếp để lấy đồ vì như vậy bị coi là không tôn trọng người đàn ông trong gia đình. Những lệ này hiện nay không còn duy trì.

Một phong tục, tín ngưỡng nữa liên quan đến việc sử dụng ngôi nhà hiện vẫn còn ở nhiều bản của người Tày tại khu vực ATK Việt Bắc (như ở các xã Sơn Phú, Bình Yên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên) là khi trong nhà có người hay ốm đau hoặc làm ăn thất bát, thua lỗ, gia chủ sẽ mời thầy đến cúng chuyển hướng nhà. Thực tế thì kiến trúc, hướng nhà vẫn như vậy nhưng được thầy cúng “chuyển hướng âm”, tức cúng chuyển hướng mà mắt thường không thấy. Người ta tin rằng sau lễ cúng đó, gia chủ sẽ gặp may mắn hơn, tránh được những điều xui xẻo...

Trong việc sử dụng ngôi nhà, chúng ta có thể thấy rõ tín ngưỡng đa thần của người Tày đã ảnh hưởng rõ nét đến việc bố cục, bài trí không gian thiêng. Không chỉ thờ thổ công chung của cả bản mà nhiều ngôi nhà còn có ban thờ thổ công riêng, đặt ở ngoài sân, vườn, hay ban thờ thủ bếp (thần bếp) trong nhà. Hai vị thần này được người Tày kính trọng bởi thổ công là vị thần bảo trợ vùng đất gia chủ đang ở, thường được gia chủ cúng vào các dịp lễ tiết trọng trong năm; còn thần bếp là vị thần bảo trợ an toàn cho ngôi nhà, tránh hỏa hoạn...⁷

Có thể thấy, tri thức dân gian và những quan niệm sơ khai về nhân sinh quan ảnh hưởng nhiều đến việc chọn đất, chọn hướng, chọn ngày giờ dựng nhà của người Tày. Ngôi nhà được dựng lên không chỉ bằng công sức vật chất của người dân mà bằng cả sự thuận hòa với thiên nhiên, với những niềm tin tín ngưỡng đã thấm đẫm từ bao đời.

1.2. Phong tục, tín ngưỡng trong lao động, sản xuất

Người Tày có nghề trồng lúa nước và làm nương khá phát triển, phù hợp với địa hình núi đồi, thung lũng xen kẽ những cánh đồng. Đồng thời, họ còn chăn nuôi, trồng trọt và có nghề thủ công truyền thống như dệt, đan lát...⁸ Người Tày cũng có một khối lượng tri thức và kinh nghiệm phong phú trong lao động, sản xuất, đặc biệt là làm ruộng, và được đúc kết qua các câu tục ngữ, thành ngữ: “Tháng ba gieo mạ, tháng năm cấy ruộng”, “Nương gieo mạ tháng năm, ruộng cấy tháng sáu”, “Nghe đom đóm được ăn, nghe ve sào chết đói”... Họ quan niệm: Thứ nhất kịp thì, thứ nhì đủ nước, thứ ba đủ phân, thứ tư làm cặm cùi suốt ngày, thứ năm chọn thật tốt hạt giống⁹. Người Tày căn cứ vào sấm chớp, mưa rào để sản xuất nông nghiệp như: “Sấm về tháng chạp thì được mùa (*Vạ mạ bươn lạp vừa ham vừa háp*), sấm về tháng giêng được mùa bội thu (*Vạ mạ bươn chiêng là phiêng lừ lừ*), sấm về tháng hai dân bị mất mùa (*Vạ mạ bươn nhì bồi bi sum mận*). “Mưa đặng đông vừa trồng vừa chạy; mưa đặng nam vừa làm vừa chơi” (*phuồn tàng đông khả quàng khừn lẳng; phuồn tàng nam vừa hắt vừa lín*)...

Theo một nghiên cứu về văn hóa dân tộc Tày ở Tuyên Quang cho biết, khi trồng ngô, đậu... “người Tày thường tra hạt bằng cách dùng gậy chọc lỗ. Từng cặp, nam giới đi trước chọc lỗ, phụ nữ theo sau tra

hạt. Đồng bào thường tránh những ngày Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Canh Ngọ, Nhâm Dần, Quý Dậu, Giáp Tuất... không trồng cây và tra hạt. Vì theo quan niệm của đồng bào, những ngày đó nếu trồng sẽ bị chim ăn, sâu hại, mất mùa...”¹⁰.

Người Tày ở khu vực ATK Việt Bắc xưa kia còn có tục vào cuối năm, mỗi gia đình cử ra một người đi sửa đường, sửa phai, mương, bắc lại cầu trong làng xóm của mình. Đồng bào tổ chức giúp đỡ nhau vận chuyển những thứ cần thiết trong sản xuất và xây dựng nhà cửa. Đó cũng là dịp bà con gặp gỡ nhau bàn bạc những công việc chung của làng xóm. Nam nữ thanh niên vui chơi ca hát sau mỗi buổi lao động. Trong điều kiện sản xuất cá thể, tục lệ trên đã giúp đồng bào Tày ở khu vực ATK Việt Bắc nói riêng vượt qua được những khó khăn trong sản xuất và đời sống mà ngày nay nhiều nhân tố tích cực của nó vẫn còn được phát huy.

2. Phong tục, tín ngưỡng liên quan đến nghi thức vòng đời người của người Tày ở khu vực ATK Việt Bắc

2.1. Phong tục, tập quán trong hôn nhân

Hôn nhân là một trong những việc trọng đại nhất của đời một con người. Kết quả nghiên cứu của Triều Ân và Hoàng Quyết¹¹ cho thấy, người Tày quan niệm cuộc đời con người có ba việc lớn là làm nhà, cưới vợ và báo hiếu cha mẹ. Vì thế, việc hỷ được người Tày đặc biệt coi trọng và do đó, về mặt kinh tế thì tốn kém, về mặt nghi lễ cũng rất phức tạp¹².

Về độ tuổi kết hôn, trước đây con trai Tày thường kết hôn trong độ tuổi từ 16 đến 18 tuổi, con gái sớm hơn, khoảng 14 đến 16 tuổi. Hiện nay thì người Tày có độ tuổi kết hôn muộn hơn, từ 18 tuổi trở lên. Người Tày cho rằng việc cưới xin là việc rất hệ trọng, những người làm cha, làm anh có trách nhiệm lo tổ chức việc cưới xin cho thật chu đáo, tức là lo cho hạnh phúc của con em mình. Gia đình nào có con đến tuổi dựng vợ gả chồng thường chuẩn bị nuôi lợn gà và tích lũy một số tiền nhất định. Trước đây, việc thách cưới đôi khi là gánh nặng đối với nhà trai, nhất là những nhà không có điều kiện. Bởi theo phong tục, nhà gái phải làm cỗ mời họ hàng, thôn bản mà không nhận được sự chúc mừng về vật chất nên nhà trai phải chia sẻ. Một nghiên

cứu cho rằng: “Hôn nhân của người Tày mang tính chất mua bán rõ rệt, đây cũng là tình trạng chung của xã hội đã phân hóa giai cấp. Điều này được thể hiện ngay từ câu tục ngữ: ‘có con gái thì phải bán đi, có con trai thì mua thêm người về’, hay trong việc thách cưới và việc nhà trai phải chịu ‘phí qua cửa’ trong lúc tiến hành đưa đón dâu. Bởi sau khi kết hôn, người con gái trở thành con cái ‘nhà người ta’, gia đình mất đi một người lao động, là một thiệt thòi lớn cho hoạt động sản xuất, chưa kể đến công nuôi dưỡng cô gái trưởng thành của bố mẹ. Do vậy, cần có sự đền bù thích đáng từ phía chàng trai và gia đình của anh ta... Gia đình nhà trai phải nhờ những vị quan làng thông minh, tháo vát để ứng đối với những thách thức bên gia đình nhà gái, nếu không thì cuộc hôn nhân càng tốn kém”¹³.

Một điểm đặc sắc trong quan niệm hôn nhân của người Tày là hiện nay vẫn duy trì tục xem “lục mệnh”¹⁴ cho đôi trai gái đang tính chuyện kết hôn. Một đôi trai gái yêu nhau, nhưng đến được với nhau hay không lại là chuyện khác. Quan niệm của người Tày cho rằng, trai gái phải hợp tuổi. Họ nhờ thầy cúng xem tuổi, nếu hợp thì tốt, đó là hợp số, còn không hợp số thì họ không thể đến được với nhau. Thậm chí có đôi trẻ làm lễ ăn hỏi, khi đặt lễ lên ban thờ nhà gái, để qua một đêm, nếu rừng yên tĩnh thì là điềm tốt, còn nếu có động, chẳng hạn như con hoẵng kêu thảm thiết hoặc chim tự nhiên bay loạn lên là không thể đến được với nhau, đám cưới sẽ bị hủy. Ngoài ra, người Tày ở xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa rất kiêng kỵ cưới xin hay dựng nhà vào tháng 9 âm lịch. Họ cho rằng: “tháng 10 đi gạo, có gạo mà ăn, làm tháng 9 chỉ là cúng ma thôi” (*Bươn tiếp hát lườn to chiếu, bươn cầu hát lườn to phi*). Nghĩa là cưới hay dựng nhà vào tháng 10 thì có gạo để ăn, còn cưới vào tháng 9 thì khi đó lúa chưa chín, gạo chỉ đủ để cúng ma mà thôi.

Trong lễ cưới của người Tày ở Định Hóa (tỉnh Thái Nguyên) có thủ tục tách và nhập ma: Nhà trai phải chuẩn bị một mâm cúng để trước cửa, thấp hương. Trong mâm có bánh tro, chén nước đặt chênh vênh để cô dâu đi qua đá chân cho mâm cúng đổ (tức là ma đã tách ra khỏi người cô dâu). Khi cô dâu vào trong nhà, nhà trai đóng cửa lại và cô dâu phải làm lễ nhập ma mới do thầy cúng làm để cầu cho đôi lứa

hạnh phúc đến “đầu bạc, răng long”... Chú rể phải chuẩn bị một miếng vải “khô - ướt” biếu mẹ vợ để tỏ lòng hiếu thuận, cảm ơn công lao sinh thành và dưỡng dục của người mẹ. Tấm vải có ý nghĩa nhắc đến công ơn của mẹ: “Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn”. Trước đây, khi trẻ con đái ướt, tã lót không có đủ để thay, mẹ đã xoay phần khô cho con nằm, còn mẹ nằm sang phần ướt. Dâng tấm vải ấy là khẳng định con luôn nhớ đến sự vất vả, kiên trì chịu đựng của mẹ khi con còn trứng nước. Miếng vải sau này khi con gái sinh con đầu lòng, người mẹ sẽ may thành một cái địu (*chia*) để tặng cho con gái...

Nhìn chung “dưới góc độ tín ngưỡng, tâm linh, việc tổ chức đám cưới có ý nghĩa ‘cắt khâu’ và ‘nhập khâu’ cho nàng dâu hoặc chàng rể nạp tể, chuyển hôn vía của họ từ chỗ là thành viên của dòng họ này trở thành con cháu của dòng họ khác. Việc cưới hỏi là cả một quá trình, diễn ra trong thời gian tương đối dài, nhiều khi tới 2-3 năm và phải trải qua nhiều bước khác nhau với những nghi lễ khá rườm rà, phức tạp và tốn kém, trong đó có ba lễ chính là lễ dạm ngõ, lễ ăn hỏi và lễ cưới”¹⁵.

2.2. Phong tục, tín ngưỡng trong sinh đẻ

Khi mang thai cũng như trong thời gian đầu mới sinh con, người phụ nữ (đôi khi cả người chồng) phải kiêng cử nhiều thứ (như không được đào lỗ chôn cọc, tháo ao,...) với ý muốn mẹ tròn con vuông, đứa bé khỏe mạnh và tránh được những vía độc làm hại. Sau khi sinh được 3 ngày thì cúng tẩy vía, lập bàn thờ Bà Mụ. Khi đầy tháng, tổ chức lễ ăn mừng và đặt tên cho trẻ. Người phụ nữ sinh con đầu lòng thường ở nhà bố mẹ để cho tới khi đầy tháng mới về ở hẳn bên nhà chồng. Cũng như bất cứ xã hội phụ quyền nào, người Tày thường quý trọng con trai hơn. Người ta mong muốn có con trai để duy trì nòi giống, tế tự tổ tiên và kế thừa tài sản. Con trai mới được phép thắp hương lên bàn thờ gia tiên, con trai mới được đem lễ vật đến *thổ tỳ* (thổ công) cúng trong các ngày lễ như mừng 1 - 2 tết Nguyên đán, mừng 3 tháng 3, mừng 5 tháng 5 âm lịch... Con gái không được hưởng gia sản, trừ một số gia đình có cho con gái của hồi môn như một con trâu, nếu con gái lấy chồng gần thì được thêm thửa ruộng... Như vậy, có thể thấy tư tưởng trọng nam, khinh nữ được thể hiện khá rõ nét trong đời sống văn hóa và xã hội của người Tày.

2.3. Phong tục, tín ngưỡng trong tang ma, thờ cúng tổ tiên

Người Tày cho rằng nghĩa vụ người con phải lo việc ma chay chu đáo cho cha mẹ và coi đó là một hình thức báo hiếu quan trọng nhất. Vì vậy, ai khóc bố mẹ tình cảm thì được coi là khéo léo và có hiếu hơn cả. Đám ma thường tổ chức linh đình với nhiều nghi lễ nhằm mục đích báo hiếu và đưa hồn người chết về bên kia thế giới.

Khi gia đình nào đó có người mất, người chủ nhà báo cho người thân họ hàng rồi đón thầy về xem giờ nhập quan, phát tang rồi làm lễ cúng trong một đêm (trước kia là hai hoặc ba đêm). Hôm sau sẽ đưa tang ra khu nghĩa địa gia đình hoặc dòng họ. Ở một số nơi, chẳng hạn người dân ở xóm Tam Hợp (xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên) còn quan niệm: nếu người trẻ mà chết thì có thể hôm trước làm lễ cúng, nhập quan, hôm sau thì đem chôn; với người già thì lâu hơn, từ hai đến ba ngày. Người chết được chôn ở nghĩa trang gia đình theo thứ bậc, cao nhất là tổ tiên rồi ông bà, thấp dần xuống là chú bác... Sau 100 ngày thì họ hàng làm lễ cất tang, sau một năm thì con đẻ, dâu rể cất tang. Người chết được chôn vĩnh viễn một lần, trừ trường hợp người trong gia đình đau yếu mà đi khám bệnh không rõ nguyên nhân, hoặc liên quan đến động đất, lở đất thì gia chủ đi gặp thầy hỏi xem có nên cải táng hay không¹⁶.

Người Tày quan niệm về vũ trụ nhân sinh có ba cõi là trời, đất và dưới mặt đất. Ba cõi này đều có núi, sông, cỏ cây hoa lá, ruộng đồng, động vật,... như cõi con người đang sinh sống. Cõi Trời do bố Trời (pò Vạ) cai quản, con người trong cõi Trời có hình dạng lớn hơn con người. Cõi Đất là *cõi giữa* do mẹ Đất (mẻ Đin) cai quản, con người ở cõi giữa lớn hơn con người ở cõi dưới mặt đất (cõi Dưới). Cõi Dưới không ai cai quản nên con người ở cõi giữa như thế nào không ai biết. Người Tày quan niệm, xưa ba cõi này gần nhau, người, vật ở ba cõi này có thể đi lại. Rồi bố Trời lấy mẹ Đất mà sinh ra vạn vật và con người. Song vì con người ở cõi giữa phóng uế bừa bãi, bố Trời không sao chịu nổi liền kéo trời lên cao. Với cõi Dưới, người Tày không có quan niệm về cõi âm như người Kinh.

Trong các câu chuyện cổ, “người Tày có quan niệm về vũ trụ cũng là những quan niệm cụ thể được nhân hóa triệt để. Giữa người Tày cổ

với vũ trụ có một sự đồng cảm đến sâu xa... với rất nhiều hiện tượng của vũ trụ người Tày cổ đều cảm thấy thân thiết hoặc thù địch. Sự thân thiết và sự thù địch của một con người với con người hay của những con người nói chung. Bởi sấm sét, mưa gió bão bùng... đều được nhân hóa triệt để, như con người giao đãi với con người. Thí dụ thần sét là cái thằng Lò làm nên, thần gió là cái lão già rồi rã ngồi trên đỉnh đèo, nơi cửa trời, lồi đi lại giữa trời và đất, thỉnh thoảng phồng má trợn mắt thổi chơi”¹⁷.

Tuy nhiên, ở phần lớn các thôn/bản mà chúng tôi khảo sát, quan niệm về vũ trụ và nhân sinh của người Tày đã mai một. Mặc dù theo khảo cứu của một số nhà nghiên cứu trước đây về văn hóa tín ngưỡng người Tày, thì: “cũng như nhiều dân tộc khác ở nước ta, người Tày tin vào tôn giáo đa thần, tin vào vạn vật hữu linh, coi mọi vật đều có linh, con người cũng có linh hồn như mọi vật khác”¹⁸. Như vậy, có thể thấy trong vài thập niên gần đây, quan niệm của người Tày về vũ trụ, nhân sinh có sự biến đổi và chỉ còn “gói gọn” trong việc thờ cúng tổ tiên, thần bếp và thổ công. Một số ít gia đình thờ những vị thần riêng, chẳng hạn “còn tùy cái số của mỗi đứa trẻ mà thờ các vật cụ thể như hòn đá, mô đất, cái cây để làm vật bảo mệnh với quan niệm là đứa trẻ đó làm con nuôi cái vật ấy”¹⁹.

Trong thờ cúng tổ tiên, người Tày quan niệm con người có linh hồn nên được thờ nơi trang trọng nhất trong nhà. Theo tìm hiểu, người Tày thường thờ tổ tiên bốn đời bố mẹ, ông bà, cụ, kỵ. Người Tày thường đặt lễ vật trong các dịp lễ tiết như ngày mùng 3 tháng 3 là tết Thanh minh; ngày mùng 5 tháng 5 là tết Đoan Ngọ; ngày mùng 5 tháng 7 là tết Thượng nguyên; ngày mùng 10 tháng 10 là tết Cơm mới và ngày tết Nguyên đán hằng năm. Những lễ tiết này mang bản sắc văn hóa tín ngưỡng đặc trưng của người Tày cho đến tận ngày nay²⁰, cùng với các ngày hiếu, hỷ và các ngày đại sự khác. Hiện nay, một số gia đình còn dâng lễ vật cúng ông bà tổ tiên vào các ngày sóc, vọng (ngày rằm, mùng một), một số gia đình còn làm giỗ để tưởng nhớ tổ tiên và đồng thời là ngày gặp mặt những người thân trong gia đình.

Người Tày không theo một tôn giáo nào cụ thể, người Tày không xây chùa thờ Phật, xây quán thờ Đạo giáo nhưng trong phong tục, tín

ngưỡng của người Tày có sự ảnh hưởng rõ nét của Tam giáo (Phật, Đạo, Nho), thể hiện qua các hình thức cúng tế và qua đội ngũ thầy cúng. Chẳng hạn, nếu trong nhà có đám tang thì trên bàn thờ đặt hình ảnh Phật, phướn Phật tiếp dẫn Tây phương Cực lạc, hay trong các bài cúng đều sử dụng lý số của Nho giáo và Đạo giáo, biểu hiện ở việc đám cưới phải hợp số mệnh mới lấy được nhau hay trong nội dung các bài cúng bái, v.v...²¹. Người Tày ở khu vực ATK nói chung tuy không lấy Đạo giáo làm tôn giáo riêng, nhưng họ luôn đề cao vai trò của thầy Tào. Bởi trong quan niệm của người Tày, sự báo hiếu của con cái đối với tổ tiên được thể hiện rõ nhất thông qua các nghi lễ trong tang ma. Lễ tang của người Tày do thầy Tào chủ trì, để đưa linh hồn từ địa ngục về với tổ tiên theo triết lý của Đạo giáo. Vì vậy, thông qua tang ma, thầy Tào phân nào đã đưa Đạo giáo thâm sâu dần vào văn hóa Tày. Có thể nói, tư duy về vũ trụ quan, cõi sống, cõi chết theo quan niệm của Đạo giáo đã chi phối rất mạnh mẽ đời sống tinh thần của người Tày và tạo ra nét đặc trưng trong tín ngưỡng của tộc người này.

Kết luận

Phong tục, tín ngưỡng cổ xưa của người Tày ở vùng ATK Việt Bắc mang nhiều đặc trưng của hình thức tín ngưỡng nguyên thủy, chủ yếu dựa vào quan niệm “vạn vật hữu linh”. Tín ngưỡng đó trước hết phản ánh quan niệm về vũ trụ quan, nhân sinh quan của người Tày. Trong quá trình tồn tại, những phong tục, tín ngưỡng cổ xưa đó phần nào bị ảnh hưởng bởi những hệ tư tưởng của Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo, biểu hiện ở nghi thức cúng tế, trừ tà, trừ ma, ở tư tưởng phụ quyền, trọng nam, khinh nữ... Những tư tưởng đó dần dần hòa quyện, ăn sâu vào đời sống hằng ngày của người dân.

Ngày nay, những phong tục, tín ngưỡng của người Tày ở vùng ATK Việt Bắc đã có sự thay đổi theo hướng đơn giản hơn, chẳng hạn trong các nghi thức liên quan đến vòng đời người (cưới xin, sinh đẻ, tang ma) hay như các phong tục, tập quán liên quan đến lao động, sản xuất. Điều này phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, văn hóa trong bối cảnh mới.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là hiện nay phần lớn trong các thôn bản của người Tày thì đội ngũ thầy Then, thầy Pụt, thầy Tào đã dần mai một, có khi cả huyện chỉ còn một vài người đủ kiến thức, trình độ hành nghề. Đây cũng là điều đáng tiếc, bởi các thầy cúng này vốn là tầng lớp trí thức cao nhất trong mỗi bản, những người lưu giữ tri thức dân gian của người Tày. Bản thân công việc của họ chính là bảo lưu, giữ gìn văn hóa, tập quán, tín ngưỡng truyền thống của người Tày. Do đó, các tỉnh thuộc vùng ATK Việt Bắc cần có sự kết hợp với các ban ngành chức năng, các viện nghiên cứu chuyên ngành lập kế hoạch sưu tầm các loại hình văn hóa phi vật thể, chọn lọc, lưu giữ các phong tục, tập quán tốt đẹp, cũng như có chế độ đãi ngộ xứng đáng với những người nắm giữ tri thức dân gian, để có thể lưu giữ những di sản văn hóa quý báu này cho thế hệ mai sau./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên, 2016), *Văn hóa dân tộc Tày ở Tuyên Quang*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr78.
- 2 Phạm Thu Trà (2018), *Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Triết học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, tr. 30.
- 3 Theo ông Hoàng Văn Đa, hiện sống tại thôn bản Hông, xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên (Tư liệu điền dã của nhóm tác giả, từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2000).
- 4 Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên, 2016), Sđd, tr78.
- 5 Thông tin điều tra từ người dân ở thôn Bục Việt (xã Bộc Nhiêu, huyện Định Hóa), thôn bản Hông (xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa) (Tư liệu điền dã của nhóm tác giả, từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2000).
- 6 Thông tin điều tra từ người dân ở bản Nà Đin (xã Lam Vỹ, huyện Định Hóa) (Tư liệu điền dã của nhóm tác giả, từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2000).
- 7 Xin xem thêm: Nguyễn Thị Yên (2010), *Đời sống tín ngưỡng của người Tày ven biên giới Hạ Lang, Cao Bằng*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- 8 Xin xem: Hà Văn Trân (1999), *Các dân tộc Tày Nùng với tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 47.
- 9 Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên, 2016), Sđd, tr. 26.
- 10 Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên, 2016), Sđd, tr. 16-17.
- 11 Triều Ân, Hoàng Quyết (2010), *Tục cưới xin của người dân tộc Tày*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr 15; Xin xem thêm: Dương Sách, Dương Thị Đào (nghiên cứu và sưu tầm, 2014), *Những điều cơ bản trong lễ làng truyền thống của người Tày Cao Bằng*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

- 12 Xin xem thêm: Hoàng Thị Cành (2013), *Tục hôn nhân cổ của người Tày Nguyên Bình*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr. 133.
- 13 Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên, 2016), *Sđđ*, tr. 137.
- 14 Lục mệnh (Lục minh), nghĩa là phải biết năm sinh của con dâu tương lai thuộc mệnh gì rồi tính với tuổi của chàng rể xem hợp hay xung. Ví dụ: Mệnh Kim được tính sinh các năm Nhâm Ngọ, Đinh Dậu, Giáp Tý,...; Mệnh Mộc là người sinh các năm Bính Dần, Tân Ty, Giáp Thân,... Từ mệnh tính bằng Ngũ hành, nếu tương sinh thì được lấy nhau và ngược lại, tương khắc thì không được.
- 15 La Công Ý (2010), *Đến với người Tày và văn hóa Tày*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 257. Xin xem thêm: Triệu Thị Mai (2013), *Lễ cầu tự của người Tày Cao Bằng*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- 16 Xin xem thêm: Phạm Công Hoan, Ma Thanh Sợi (2012), *Phong tục tang ma của người Tày ở Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
- 17 Vi Hồng (sưu tầm và biên soạn, 2012), *Truyện cổ và dân ca nghi lễ dân tộc Tày*, Nxb Thanh niên, Hà Nội, tr27.
- 18 Hoàng Nam (2013), *Sđđ*, tr. 496.
- 19 Vi Hồng (sưu tầm và biên soạn, 2012), *Sđđ*, tr. 28.
- 20 Xin xem trong: Ma Văn Vịnh (2014), *Văn hóa tín ngưỡng người Tày các bài mo cho họ - chủ họ nghi lễ then tạo mộ*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- 21 Xin xem thêm: Nguyễn Thị Yên (2010), *Sđđ*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thị Cành (2013), *Tục hôn nhân cổ của người Tày Nguyên Bình*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Phạm Công Hoan, Ma Thanh Sợi (2012), *Phong tục tang ma của người Tày ở Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
3. Vi Hồng (sưu tầm và biên soạn, 2012), *Truyện cổ và dân ca nghi lễ dân tộc Tày*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
4. La Công Ý (2010), *Đến với người Tày và văn hóa Tày*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Yên (2010), *Đời sống tín ngưỡng của người Tày ven biên giới Hạ Lang, Cao Bằng*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Triệu Thị Mai (2013), *Lễ cầu tự của người Tày Cao Bằng*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Hoàng Nam (2013), *Tổng quan văn hóa truyền thống các dân tộc Việt Nam*, quyển 2, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
8. Dương Sách, Dương Thị Đào (nghiên cứu và sưu tầm, 2014), *Những điều cơ bản trong lễ làng truyền thống của người Tày Cao Bằng*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

9. Phạm Thu Trà (2018), *Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Tày ở Tuyên Quang hiện nay*, Luận văn thạc sĩ Triết học, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam.
10. Nguyễn Ngọc Thanh (chủ biên, 2016), *Văn hóa dân tộc Tày ở Tuyên Quang*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Hà Văn Trân (1999), *Các dân tộc Tày Nùng với tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Triều Ân, Hoàng Quyết (2010), *Tục cưới xin của người dân tộc Tày*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
13. Ma Văn Vịnh (2014), *Văn hóa tín ngưỡng người Tày các bài mo cho họ - chủ họ nghi lễ then tảo mộ*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

Abstract

CUSTOMS AND BELIEFS IN THE LIFE OF TAY PEOPLE IN ATK VIET BAC REGION AT PRESENT

Ta Quoc Khanh

*Institute of Preserving Relics
Ministry of Culture, Sports and Tourism (Vietnam)*

Nguyen Van Quy

Institute for Religious Studies, VASS

The Viet Bac area during the resistance war against the French (1945-1954) was considered as the Safe Zone (ATK) which protected the headquarters of the resistance war of the whole nation. Today, these ATKs have been classified as special national monuments by the State. They are also the residence of many ethnic groups, of which the largest number is the Tay. Tay people in the ATK Viet Bac area have a long history of residence, diversity of cultural and religious life. The article presents some customs and beliefs related to the production and life-cycle rites of Tay people in the villages in the ATK Viet Bac region today. Thereby, it contributes to the identification of intangible cultural heritage values of the Tay in the ATK Viet Bac region.

Keywords: ATK Viet Bac region; Tay people; customs; beliefs.